TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2019
V/v: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuần
2. Bà Trương Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Bé L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu C, ấp M, xã C, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn O, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu C, ấp M, xã C, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh O vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2019; bản tự khai; các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Tạ Thị Bé L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh O tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2011. Chị và anh O chung sống đến năm 2016 thì P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng lại không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, bất đồng trong cuộc sống. Chị đã nhiều lần hòa giải với anh O nhưng không được nên chị và anh O đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh O.

Về con chung: Chị và anh O có 02 con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày 02/7/1997 và Lê Minh Đ, sinh ngày 23/10/2001. Khi ly hôn, do cháu P đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn O: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh O vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh O.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; đề nghị Hội đồng xét xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Tạ Thị Bé L. Cho chị L được ly hôn với anh Lê Văn O.

2) Về con chung: Giao con chung tên là Lê Minh Đ, sinh ngày 23/10/2001 cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, tạm thời miễn cho anh O nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Tạ Thị Bé L chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Lê Văn O hiện cư trú tại ấp M, xã C, huyện Q, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị L yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh O, yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Tạ Thị Bé L là nguyên đơn; anh Lê Văn O là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn O và đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng anh O vắng mặt mà không có lý do chính đáng vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh O và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân C, huyện Q, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2011. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống; chị L và anh O hiện nay không còn chung sống với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định "*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị L, anh O lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L

yêu cầu ly hôn nên chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh O theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị L và anh O có hai con chung tên là Lê Hoàng P, sinh ngày 02/7/1997 và Lê Minh Đ, sinh ngày 23/10/2001. Hiện nay, cháu P đã thành niên và có khả năng lao động, chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Qua kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ ở địa phương thể hiện trong thời gian ly thân chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, hiện nay chị L đang làm công nhân, có thu nhập ổn định. Đồng thời cháu Đ có nguyện vọng được sống chung với chị L. Xét thấy chị L đủ điều kiện để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Đ nên Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm thời miễn cho anh O nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh O có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền O của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Tạ Thị Bé L chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị Bé L. Chị Tạ Thị Bé L được ly hôn với anh Lê Văn O.

2) Về con chung: Chị L và anh O có hai con chung tên là Lê Hoàng P, sinh ngày 02/7/1997 và Lê Minh Đ, sinh ngày 23/10/2001. Hiện nay, cháu P đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Giao con chung tên là Lê Minh Đ, sinh ngày 23/10/2001 cho chị L trực tiếp chăm sóc,

giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời anh O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con…)

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Tạ Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phi đã nộp theo biên lai số 002077 ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán. Chị L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Thái